

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 04/2025/DS-ST

Ngày 13-8-2025.

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng vay
tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Như Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cẩm Thị Đoa và ông Tường Duy Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Định, Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân khu vực 6 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Mùi Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2025 về việc Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-TCDS ngày 14 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 04 ngày 29 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Y - Sinh năm: 1978. Địa chỉ: Bản Ui, xã Mường M, huyện V, tỉnh S, nay là bản Ui, xã Vân Hồ, tỉnh Sơn La, có mặt.

- Bị đơn: Bà Hà Thị T - Sinh năm: 1982. Địa chỉ: Tổ dân phố Đoàn K, phường V, thị xã M, tỉnh S nay là Tổ dân phố Đ, phường V, tỉnh Sơn La. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đỗ Thị Y trình bày:*

Bà Đỗ Thị Y và bà Hà Thị T không mối quan hệ họ hàng chỉ là quen biết nhau, bà Y và bà T không có mâu thuẫn gì với nhau.

Ngày 27/7/2021, bà Đỗ Thị Y có cho bà Hà Thị T, địa chỉ bản Muống, xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La (nay là Tổ dân phố Đoàn Kết, phường Vân Sơn, tỉnh Sơn La) vay số tiền là 108.460.000 đồng. Hai bên thỏa thuận lãi xuất là 2,5%/tháng. Thời hạn vay là 01 năm lãi chậm trả là 150% lãi trong hạn. Đến hạn mà không có tiền thì bà T trả bằng nương rẫy hai bên đều chấp nhận thỏa thuận trên.

Ngày 02/7/2022, bà Hà Thị T có trả cho bà Y số tiền 15.000.000 đồng bằng tiền mặt.

Do quá hạn bà Y đòi tiền nhiều lần nhưng bà T không trả. Do đó bà Đỗ Thị Y có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Hà Thị T trả cho bà Y số tiền gốc và lãi là 171.189.000 đồng như thỏa thuận trong hợp đồng vay.

Về án phí: Bà Y đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến trình bày của bị đơn bà Hà Thị T như sau:

Bà Hà Thị T và bà Đỗ Thị Y không mối quan hệ họ hàng chỉ là quen biết nhau, bà T và bà Y không có mâu thuẫn gì với nhau.

Năm 2016, bà Hà Thị T có vay của bà Đỗ Thị Y số tiền 20.000.000 đồng, khi vay thì bà Đỗ Thị Y viết giấy vay tiền vào sổ của bà Y và bà T có ký xác nhận vào sổ.

Năm 2019, bà Hà Thị T có trả bà Đỗ Thị Y số tiền gốc là 15.000.000 đồng và chưa thanh toán khoản tiền lãi nào cho bà Đỗ Thị Y.

Hiện nay, bà Đỗ Thị Y trình cho Tòa án Hợp đồng cho vay tiền ngày 27/7/2021 bà T xác định chữ ký và chữ viết trên hợp đồng không phải là của bà T.

Khoản tiền bà Y yêu cầu bà T thanh toán số tiền 171.189.000 đồng là tiền lãi bà T không nhất trí trả. Nếu bà Y nhất trí tính lãi xuất bằng Ngân hàng thì bà T nhất trí trả cho bà Y.

Ngoài ra không có yêu cầu hay đề nghị gì thêm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Sơn La như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, nghị án Thẩm phán và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về đường lối giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 160, Điều 161, Điều 162, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS.

Các Điều 280, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Y.

Buộc bà Hà Thị T có trách nhiệm trả cho bà Đỗ Thị Y số tiền còn nợ gốc là 93.460.000 đồng và số tiền lãi đến thời điểm xét xử ngày 13/8/2025 là: 78.543.000 đồng

Tổng số tiền bà Hà Thị T có trách nhiệm trả cho bà Đỗ Thị Y là 172.003.000 đồng

- Về án phí và chi phí tố tụng:

+ Bà Hà Thị T phải chịu 8.600.000 án phí DSST.

+ Trả lại cho Đỗ Thị Y số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.279.700 đồng tại Chi cục THADS thị xã Mộc Châu (nay là phòng Thi hành án khu vực 6) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002888 quyền số 058 ngày 10/3/2025.

+ Buộc bà Hà Thị T phải hoàn trả cho bà Đỗ Thị Y 4.500.000 đồng tiền chi phí giám định chữ ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án quá trình thụ lý xác định đây là vụ án dân sự về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bị đơn cư trú tại Tổ dân phố Đoàn Kết, phường Vân Sơn, thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La nay là Tổ dân phố Đoàn Kết, phường Vân Sơn, tỉnh Sơn La nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Mộc Châu nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 - Sơn La theo quy định khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn.

Quá trình giải quyết bị đơn có mặt tham gia tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, đã trình bày ý kiến quan điểm của mình, đã đề nghị Tòa án giám định chữ ký, chữ viết của mình, tuy nhiên sau khi có kết quả giám định Tòa án đã báo gọi đến để công bố kết quả giám định nhưng đều có tình vắng mặt. Dẫn đến phiên tòa phải hoãn để Tòa án niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử tại nơi cư trú của bị đơn.

Thấy rằng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai có tình vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 27/7/2021, bà Đỗ Thị Y đã cho bà Hà Thị T vay tiền và có lập Hợp đồng cho vay tiền với số tiền vay là 108.460.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2,5%/tháng, thời hạn vay là 01 năm tính từ ngày 27/7/2021 đến ngày 27/7/2022, lãi chậm trả là 150%. Tính từ ngày 27/7/2022 bà T không có tiền trả thì trả bằng nương rẫy. Bà Đỗ Thị Y có ký xác nhận và đại diện bên A, bà T ký vào đại diện bên B và đã nhận đủ số tiền vay.

Quá trình vay, ngày 02/7/2022 bà Hà Thị T đã thanh toán cho bà Đỗ Thị Y số tiền 15.000.000 đồng bằng tiền mặt. Còn lại số tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo sự thỏa thuận giữa các bên bà T chưa trả cho bà Y, khi đã hết thời hạn vay là ngày 27/7/2022. Bà Y đã nhiều lần đòi nhưng bà T không thực hiện và xin khất nợ nhiều lần, đến nay vẫn không thanh toán cho bà Y. Xuất phát từ việc chậm nghĩa vụ trả nợ, bà Y có đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc bà T có trách nhiệm trả cho bà Y số tiền gốc và lãi còn nợ là 171.189.000 đồng và các khoản tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

[3] Đối với giấy tờ vay tiền :

Bà Đỗ Thị Y đã trình cho Tòa án 01 bản gốc Hợp đồng cho vay tiền ngày 27/7/2021. Nội dung Hợp đồng cho vay tiền cụ thể như sau;

Hôm nay ngày 27/7/2021 tại gia đình nhà Hà Thị T, đại bên cho vay bà Đỗ Thị Y (Bên A), đại diện bên vay (Bên B) bà Hà Thị T (có chồng là Mùi Văn Đức), Sau khi thỏa thuận cùng nhau ký hợp đồng vay tiền với số tiền là 108.460.000 đồng, lãi suất 2,5% trên một tháng, tính từ ngày 27/7/2022 chị T không có tiền thì trả bằng nương rẫy, tiền lãi chậm trả là 150%, hợp đồng có hiệu lực từ ngày 27/7/2021. Bà Hà Thị T có ký xác nhận vào người đại diện bên B trên Hợp đồng vay tiền.

Bà Hà Thị T xác định năm 2016 có vay của bà Đỗ Thị Y số tiền 20.000.000 đồng, khi vay thì bà Đỗ Thị Y viết giấy vay tiền vào sổ của bà Y và bà T có ký xác nhận vào sổ ngoài ra không có giấy tờ gì khác chứng minh, do đó không có căn cứ để chấp nhận.

Đến ngày 02/7/2022, bà Hà Thị T có trả bà Đỗ Thị Y số tiền gốc là 15.000.000 đồng và chưa thanh toán khoản tiền lãi nào cho bà Đỗ Thị Y.

Bà T xác định Hợp đồng cho vay tiền ngày 27/7/2021 giao nộp cho Tòa án bà T chữ ký và chữ viết trên hợp đồng không phải là của bà T. Khoản tiền bà Y yêu cầu bà T thanh toán số tiền 171.189.000 đồng là khoản tiền lãi mà bà T vay trong tổng số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) nên không nhất trí trả. Bà T yêu cầu bà Y cung cấp sổ gốc cho vay tiền của bà Y. Đồng thời yêu cầu được giám định chữ viết và chữ ký của bà T trên giấy vay tiền đề ngày 27/7/2021.

Mặc dù bà T có đơn đề nghị được giám định chữ ký và chữ viết trong hợp đồng vay tiền, nhưng cố tình trì hoãn việc nộp tiền chi phí cho việc giám định.

Do bà T không chịu nộp tiền chi phí giám định. Ngày 04/6/2025 bà Đỗ Thị Y có đơn yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà Hà Thị T trên Hợp đồng vay tiền và nộp chi phí tạm ứng giám định.

Ngày 04/6/2025 Tòa án nhân dân thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La đã ra quyết định trưng cầu giám định số (02) gửi phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La giám định chữ ký, chữ viết của bà Hà Thị T, cụ thể.

Chữ ký, chữ viết mang tên Hà Thị T dưới mục "ĐẠI DIỆN BÊN B" trên mẫu giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Hà Thị T trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 có phải do cùng một người ký, viết ra không?

Tại kết luận số 668/KL-KTHS ngày 16/6/2025 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận:

- Chữ ký, chữ viết mang tên Hà Thị T dưới mục "ĐẠI DIỆN BÊN B" trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Hà Thị T trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký, viết ra.

[4] Đối với yêu cầu của bị đơn đề nghị bà Đỗ Thị Y cung cấp sổ gốc cho vay tiền mà bị đơn bà Hà Thị T đã ký xác nhận khi vay tiền của bà Đỗ Thị Y tại phiên tòa bà Đỗ Thị Y cho biết hiện bà không có lưu giữ sổ sách nào khác liên quan đến khoản vay như bà T trình bày, mà chỉ có Hợp đồng cho vay tiền ngày 27/7/2021 đã giao nộp bản gốc cho Tòa án.

Căn cứ hợp đồng cho vay tiền lập ngày 27/7/2021; kết luận giám định số 668/KL-KTHS ngày 16/6/2025 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La về việc giám định chữ ký của bà Hà Thị T. Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận, ngày 27/7/2021 bà Đỗ Thị Y đã cho bà Hà Thị T vay số tiền là 108.460.000 đồng. Trong quá trình vay ngày 02/7/2022 bà Hà Thị T đã thanh toán cho bà Đỗ Thị Y số tiền 15.000.000 đồng là tiền gốc. Hiện nay, bà Y yêu cầu bà T phải trả số tiền gốc còn lại là 93.460.000 đồng và tiền lãi đến ngày xét xử theo quy định của pháp luật, là có cơ sở để chấp nhận buộc bà T có trách nhiệm trả nợ cho bà Y.

[5] Về lãi suất: Đối với lãi suất thỏa thuận 2,5%/tháng (30%/năm) trên khoản tiền vay từ ngày 27/7/2021 đến ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử sơ thẩm đã vượt quá lãi suất thỏa thuận quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự và Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Vì vậy, mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực. Do đó áp dụng khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự để điều chỉnh lại mức lãi suất cho vay:

Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định:

"1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính

phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực...”

Như vậy, lãi suất được Hội đồng xét xử chấp nhận theo sự thỏa thuận giữa các bên là 20%/năm ~ 1,66%/tháng ~ 0,055%/ngày, còn lại không được chấp nhận do trái với quy định của pháp luật.

Số tiền gốc từ ngày 27/7/2021 đến ngày 02/7/2022 là 108.460.000 đồng. Do đó tiền lãi được tính như sau.

$$108.460.000đ \times 20\%/năm \times 341 \text{ ngày} = 20.265.000 \text{ đồng.}$$

365 ngày

Số tiền gốc còn lại từ ngày 03/7/2022 đến ngày 13/8/2025 là 93.460.000 đồng. Do đó tiền lãi được tính như sau.

$$93.460.000đ \times 20\%/năm \times 1.138 \text{ ngày} = 58.278.000 \text{ đồng.}$$

365 ngày

Tổng tiền gốc và lãi phải trả đến ngày 13/8/2025:

$93.460.000đ + 20.265.000đ + 58.278.000đ = 172.003.000 \text{ đồng}$ (Một trăm bảy mươi hai triệu, không trăm linh ba nghìn đồng).

[6] Đối với ông Mùi Văn Đức chồng bà T tại phiên Tòa bà Y xác định khi bà T và bà Y cho nhau vay mượn ông Đức không biết gì, tại phiên tòa bà Y cũng không yêu cầu ông Đức phải có trách nhiệm trả bà khoản tiền nợ mà bà T vay, do đó có cơ sở xác định ông Mùi Văn Đức không biết và không liên quan đến việc vay tiền giữa bà Hà Thị T và bà Đỗ Thị Y, căn cứ Điều 37 Luật HN&GD năm 2014 quy định về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, nên không đề cập đến nghĩa vụ ông Mùi Văn Đức phải trả nợ cho bà Y.

[7] Về chi phí giá định chữ ký, chữ viết:

Chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 4.500.000 đồng, bà Đỗ Thị Y đã nộp toàn bộ chi phí này. Do đó cần buộc bà Hà Thị T có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Đỗ Thị Y số tiền 4.500.000 đồng.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Do yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Y được chấp nhận nên bà Đỗ Thị Y không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Đỗ Thị Y được trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Bà Hà Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 160, Điều 161, Điều 162, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 274; khoản 1 Điều 275; Điều 280; Điều 463, 464, 465, 466, khoản 1 Điều 468 BLDS năm 2015:

Căn cứ khoản 2 Điều 2, Điều 5; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Y về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Hà Thị T có trách nhiệm trả cho bà Đỗ Thị Y số tiền là 172.003.000 đồng (*Một trăm bảy mươi hai triệu, không trăm linh ba nghìn đồng*).

Trong đó tiền nợ gốc là 93.460.000đ (*Chín mươi ba triệu, bốn trăm sáu mươi đồng*) và tiền lãi đến ngày xét xử (13/8/2025) là 78.543.000 đồng (*Bảy mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi ba nghìn đồng*).

2. Về chi phí tố tụng: Bà Hà Thị T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Đỗ Thị Y số tiền 4.500.000 đồng (*Bốn triệu, năm trăm nghìn đồng*) chi phí giám định chữ ký.

Trường hợp bà Hà Thị T chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bà Hà Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.600.000đ (*Tám triệu, sáu trăm nghìn đồng*) nộp tại phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Sơn La.

Tuyên trả lại bà Đỗ Thị Y số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.279.700đ (*Bốn triệu, hai trăm bảy mươi chín nghìn bảy trăm đồng*) theo biên

lai thu tiền số 0002888 ngày 10/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Mộc Châu nay là phòng Thi hành án khu vực 6 - Sơn La.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (13/8/2025).

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 6 - Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu VP - TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đỗ Như Khánh

.....

Đỗ Như Khánh

